



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 34

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 13-7-2013 - Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 4
- 13-7-2013 - Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND về ban hành chính sách khuyến khích hỏa táng tại Thành phố Hồ Chí Minh. 6
- 13-7-2013 - Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND về quy định một số mức chi cụ thể cho công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 9
- 13-7-2013 - Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND về ban hành quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố. 11

	Trang
13-7-2013 - Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND về ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố.	13
13-7-2013 - Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ “Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015”.	16
13-7-2013 - Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND về ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố.	21
13-7-2013 - Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND về điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn.	23
13-7-2013 - Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND về thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố Hồ Chí Minh.	25
13-7-2013 - Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND về tổ chức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ (chiều xe đi ra) thuộc dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1, giai đoạn 2).	31
13-7-2013 - Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND về tiêu chí để chọn tên, đưa vào Quỹ tên đường tại thành phố.	33
13-7-2013 - Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ mười Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII.	35

Trang

- 13-7-2013 - Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2013. 40

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 03-8-2013 - Chỉ thị số 13/2013/CT-UBND về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 46

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 26-7-2013 - Quyết định số 4036/QĐ-UBND về ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 51
- 01-8-2013 - Quyết định số 4174/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức Thành phố Hồ Chí Minh. 54

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2013/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013***NGHỊ QUYẾT**

Về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI
(Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét Tờ trình số 3469/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 422/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3469/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm

2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2015, với các nội dung:

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách thành phố.

2. Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Mức hỗ trợ giai đoạn 2013 - 2015: Điều chỉnh tăng mức hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ đại học và bổ sung mức hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng, cụ thể:

+ Hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ Đại học: 1.200.000 đồng/người/tháng.

+ Hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ Cao đẳng: 800.000 đồng/người/tháng.

Số lượng cán bộ được hỗ trợ trên 01 Hợp tác xã: tối đa là 02 cán bộ.

Điều 2. Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành chính sách khuyến khích hỏa táng
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

Xét Tờ trình số 2530/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chính sách khuyến khích hỏa táng tại Thành phố Hồ Chí Minh; sau khi xem xét báo cáo thẩm tra số 407/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung của Tờ trình số 2530/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chính sách khuyến khích hỏa táng tại Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

A. Chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng:

1. Hỗ trợ 2.500.000 đồng/lượt hỏa táng cho các đối tượng:

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động;
- Đảng viên có Huy hiệu 40 tuổi Đảng trở lên;
- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ lão thành cách mạng);
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 (Cán bộ tiền khởi nghĩa);
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên;
- Bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng định suất nuôi dưỡng (già yếu, neo đơn);
- Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng định suất nuôi dưỡng (già yếu, neo đơn);
- Các đối tượng chính sách đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm dưỡng lão Thị Nghè;
- Hộ nghèo;
- Các đối tượng theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hỗ trợ 1.500.000 đồng/lượt hỏa táng cho các đối tượng:

- Đối tượng hưu trí;
- Hộ cận nghèo;
- Người dân có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Miễn phí hỏa táng cho trẻ từ 6 tuổi trở xuống có hộ khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh và đối tượng tạm trú (KT3).

B. Chính sách hỗ trợ ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực hỏa táng:

Để thực hiện được phương án trên, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng văn minh - hiện đại, thống nhất chính sách thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực hỏa táng như sau:

- Giao đất, không thu tiền sử dụng đất để xây dựng trung tâm hỏa táng.
- Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng.
- Cho vay vốn đầu tư từ nguồn vốn kích cầu của thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở ngành, quận, huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định một số mức chi cụ thể cho công tác tiếp công dân,
xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI
(Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ về việc quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Xét Tờ trình số 2289/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định một số mức chi cụ thể cho công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; báo cáo thẩm tra số 399/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 2289/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm

2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định một số mức chi cụ thể cho công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành quy định một số nội dung và mức chi thực hiện
các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét Tờ trình số 2418/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 400/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 2418/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách
ngang sông trên địa bàn thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI
(Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3122/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 404/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố được nêu tại Tờ trình số 3122/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

a) Đối với các bến có cự ly tuyến từ 1.000m trở xuống:

- Đối với hành khách, tối đa không quá 5.000 đồng/người/lượt.

- Đối với hành khách có đem theo xe đạp, xe máy thì có thể thu thêm nhưng không quá 5.000 đồng/xe/lượt.

- Đối với hàng hóa qua đò, chỉ thu đối với hàng hóa có khối lượng từ 50kg trở lên (hàng hóa dưới 50kg được tính như đối với xe đạp, xe máy đi kèm theo hành khách) và mức thu tùy thuộc vào trọng lượng của hàng hóa qua đò nhưng tối đa không quá 5.000 đồng/50kg/lượt; trường hợp là hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.

b) Đối với các bến có cự ly tuyến trên 1.000m:

Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của từng bến để quyết định mức thu theo khung giá sau:

- Đối với hành khách, tối đa không quá 5.000 đồng/km/lượt.

- Đối với hành khách có đem theo xe đạp, xe máy thì có thể thu thêm nhưng không quá 5.000 đồng/xe/lượt.

- Đối với hàng hóa qua đò, chỉ thu đối với hàng hóa có khối lượng từ 50kg trở lên (hàng hóa dưới 50kg được tính như đối với xe đạp, xe máy đi kèm theo hành khách) và mức thu tùy thuộc vào trọng lượng của hàng hóa qua đò nhưng tối đa không quá 5.000 đồng/50kg/km/lượt; trường hợp là hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.

Điều 2. Khung mức thu này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện của từng địa phương quyết định mức thu cụ thể cho phù hợp, nhưng không vượt quá khung mức thu quy định tại Nghị quyết này.

2. Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí đối với học sinh, sinh viên đi học. Đối với những bến đò có điều kiện, giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện vận động chủ đò miễn thu phí qua đò cho học sinh, sinh viên đi học.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ “Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số

49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư số liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015;

Xét Tờ trình số 3371/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; sau khi xem xét báo cáo thẩm tra số 408/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung của Tờ trình số 3371/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, các mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ “Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015” được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về nguyên tắc:

- Mức học phí đã bao gồm tiền cơ sở vật chất, vệ sinh được áp dụng từ năm học 2013 - 2014; các năm học sau mức thu học phí sẽ được điều chỉnh tăng theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm 5% do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo và đạt gần bằng mức trần theo khung của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP vào năm học 2014 - 2015.

2. Về mức thu học phí:

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên:

- Đối với học sinh trường chuyên, lớp chuyên:

+ Lớp chuyên: không thu học phí;

+ Lớp thường: thu theo mức học phí phổ thông cùng cấp.

- Mức học phí được chia thành hai nhóm đối tượng tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

+ Nhóm 1: Học sinh các trường trên địa bàn các quận nội thành (quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức và Bình Tân).

+ Nhóm 2: Học sinh các trường trên địa bàn các huyện ngoại thành (huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ và huyện Nhà Bè).

MỨC THU NĂM HỌC 2013 - 2014

Đvt: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mức học phí mới đề nghị năm 2013 - 2014	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	150.000	90.000
Mẫu giáo	120.000	60.000
Tiểu học	Không thu	
Trung học cơ sở	75.000	60.000
Bổ túc trung học cơ sở	112.000	90.000
Trung học phổ thông	90.000	75.000
Bổ túc trung học phổ thông	135.000	112.000

MỨC THU NĂM HỌC 2014 - 2015

Đvt: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mức học phí mới đề nghị năm 2014 - 2015	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	140.000
Mẫu giáo	160.000	100.000
Tiểu học	Không thu	
Trung học cơ sở	100.000	85.000
Bổ túc trung học cơ sở	150.000	130.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000
Bổ túc trung học phổ thông	180.000	150.000

b) Đối với cơ sở giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học:

- Đối với các Trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố cho phép Hiệu trưởng các đơn vị căn cứ mức trần học phí từng năm học và hệ số điều chỉnh quy định tại Điểm 1 và Điểm 2 Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 để xác định mức thu học phí cụ thể cho các đối tượng, trình độ đào tạo theo từng năm học.

- Đối với các Trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố cho phép Hiệu trưởng các đơn vị căn cứ mức trần học phí từng năm học quy định tại Điểm 3 Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 để xác định mức thu học phí cụ thể cho các đối tượng, trình độ đào tạo và ngành nghề theo từng năm học.

c) Đối với khoản thu trường công lập chất lượng cao và các môn tự chọn:

Giao Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các mức thu khác theo từng loại hình trường (học bán trú, môn tự chọn, ngoại khóa) và mức học phí chất lượng cao trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

3. Về quản lý và sử dụng nguồn thu học phí:**a) Thu học phí:**

Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh, sinh viên tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, dạy nghề thường xuyên và các khóa đào tạo ngắn hạn, học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 09 tháng/năm. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp học phí được thu 10 tháng/năm.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu, cấp biên lai học phí cho người học và nộp học phí vào ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản đăng ký hoạt động.

b) Sử dụng học phí:

Các cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Cơ sở giáo dục ngoài công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về

chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Chế độ kiểm tra, báo cáo:

Các cơ sở giáo dục thuộc mọi loại hình đều có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê quỹ học phí theo các quy định của pháp luật, thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

Thu chi học phí của cơ sở giáo dục công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ sở giáo dục công lập tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện
qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước
trên địa bàn thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI
(Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 2451/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 401/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 2451/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn,
nghịệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số 3345/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn; Báo cáo thẩm tra số 405/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3345/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm

2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn, cụ thể: Đối với người có trình độ Cao đẳng hưởng hệ số 2,10; trình độ Đại học hưởng hệ số 2,34; trình độ trên đại học hưởng hệ số 2,67 (bậc 2 ngạch chuyên viên).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 về bố trí chức danh, số lượng, và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất
5 năm giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI
(Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Công văn số 429/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Tổng cục Quản lý đất đai hướng dẫn về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất cả nước đã được Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII thông qua tại Nghị quyết số 17/2011/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2011; Công văn số 23/CP-KTN ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia;

Xét Tờ trình số 1700/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2013 và Tờ trình số

3074/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về thông qua “Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, Thành phố Hồ Chí Minh”; Báo cáo thẩm tra số 397/BCTT-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

I. Về kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010

1. Những thành quả đạt được từ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Quy hoạch sử dụng đất là công cụ quản lý Nhà nước về đất đai, tạo sự hợp lý trong quá trình quản lý và sử dụng quỹ đất, góp phần phát triển kinh tế xã hội; giải quyết từng bước vấn đề ô nhiễm môi trường (do di dời các cơ sở ô nhiễm ra khu vực ngoại thành) và thực hiện các chương trình an sinh xã hội thông qua chương trình nhà ở; kiểm soát việc chuyển nhượng đất đai và xây dựng trái phép.

2. Những tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt thấp so với các chỉ tiêu đề ra. Chỉ tiêu đất ở đạt cao trong khi đó chỉ tiêu đất công trình công cộng lại đạt thấp dẫn đến áp lực về hạ tầng đô thị ngày càng quá tải.

- Trước năm 2002, việc phân lô bán nền vẫn còn xảy ra; sau Chỉ thị số 08/2002/CT-UB ngày 22 tháng 4 năm 2002 chấm dứt tình trạng phân lô bán nền cho đến nay. Việc tạo quỹ đất sạch để đầu tư vẫn chưa được nhiều và đa số các khu đất đều có quy mô nhỏ, vị trí chưa hấp dẫn các nhà đầu tư. Các dự án đầu tư phần lớn nhỏ lẻ, triển khai chậm, nhất là tại các khu vực xa trung tâm thành phố.

- Phát triển đô thị chưa đồng bộ, còn manh mún. Việc giao đất để đầu tư thường xuất phát từ nhu cầu tự phát của nhà đầu tư nên chưa gắn kết được kế hoạch đầu tư hạ tầng. Quy hoạch khu công nghiệp thời kỳ trước đây không gắn với quy hoạch xây dựng nhà ở cho công nhân nên thiếu nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp. Các cơ sở sản xuất kinh doanh, công nghiệp còn đầu tư xây dựng rải rác, không tập trung vào các khu quy hoạch nên ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật và ảnh hưởng môi trường.

II. Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011 - 2015

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 Thành phố Hồ Chí Minh gồm mục tiêu, diện tích cơ cấu sử dụng đất và giải pháp thực hiện chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

- Quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo phát triển bền vững.

- Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh của thành phố, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

2. Diện tích, cơ cấu sử dụng đất:

Số TT	Chi tiêu	Mã	Hiện trạng 2010		Kế hoạch 2015		Quy hoạch 2020	
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên		209.555	100,0	209.570	100,0	210.155	100,0
1	Đất nông nghiệp	NNP	118.052	56,3	95.297	45,5	82.022	39,0
	Trong đó:							
1.1	Đất trồng lúa	LUA	27.594	13,2	14.074	6,7	3.000	1,4
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>19.205</i>	<i>9,2</i>	<i>10.739</i>	<i>5,1</i>	<i>3.000</i>	<i>1,4</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	32.390	15,5	26.286	12,5	18.463	8,8
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	33.285	15,9	34.461	16,4	35.156	16,7
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	69	0,0	70	0,0	70	0,0
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	763	0,4	1.878	0,9	2.149	1,0
1.6	Đất làm muối	LMU	1.943	0,9	1.000	0,5	1.000	0,5
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	9.441	4,5	10.198	4,9	10.702	5,1
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	90.868	43,4	113.938	54,4	127.933	60,9
	Trong đó:							
2.1	Đất XD trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	440	0,2	500	0,2	538	0,3
2.2	Đất quốc phòng	CQP	2.281	1,1	3.035	1,4	3.181	1,5

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2010		Kế hoạch 2015		Quy hoạch 2020	
			Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu	Diện tích	Cơ cấu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.3	Đất an ninh	CAN	294	0,1	454	0,2	454	0,2
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK	4.818	2,3	6.026	2,9	6.601	3,1
-	<i>Đất xây dựng khu công nghiệp</i>		4.420	2,1	5.393	2,6	5.893	2,8
-	<i>Đất xây dựng cụm công nghiệp</i>		398	0,2	633	0,3	708	0,3
2.5	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.6	Đất có di tích, danh thắng	DDT	112	0,1	197	0,1	201	0,1
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	644	0,3	1.043	0,5	1.286	0,6
2.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	410	0,2	437	0,2	437	0,2
2.9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	951	0,5	965	0,5	1.026	0,5
2.10	Đất phát triển hạ tầng	DHT	18.196	8,7	26.002	12,4	32.677	15,5
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1.772	0,8	2.073	1,0	2.521	1,2
-	Đất cơ sở y tế	DYT	346	0,2	480	0,2	665	0,3
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1.229	0,6	2.501	1,2	4.849	2,3
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	866	0,4	1.420	0,7	2.278	1,1
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	16.091	7,7	21.756	10,4	24.690	11,7
3	Đất chưa sử dụng	CSD	635	0,3	335	0,2	200	0,1
3.1	Đất chưa sử dụng còn lại		635	0,3	335	0,2	200	0,1
3.2	Diện tích đưa vào sử dụng				300	0,1	435	0,2
**	Chỉ tiêu trung gian:							
-	Đất đô thị	DTD	53.841	25,7	67.101	32,0	67.101	31,9
-	Đất khu bảo tồn thiên nhiên	DBT	35.000	16,7	35.000	16,7	35.000	16,7
-	Đất khu du lịch	DDL	2.204	1,1	2.692	1,3	2.692	1,3

3. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 được thể hiện tập trung vào 5 nhóm giải pháp như sau:

- Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển: Tăng cường công tác phát triển quỹ đất; đẩy mạnh công tác đấu thầu dự án để chọn nhà thầu có năng lực; lập kế hoạch thu tiền các dự án đã giao đất nhưng chưa thu tiền, cho phép nhà đầu tư nộp tiền sử dụng đất nhiều đợt; sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư cho các dự án; phát triển giao thông gắn với kế hoạch đô thị hóa; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành khu đô thị mới Thủ Thiêm; nhanh chóng hình thành 4 trung tâm chính phía Đông, phía Nam, Tây Nam, Tây Bắc và 2 trung tâm hỗn hợp ở Hóc Môn và Nhà Bè.

- Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách: Kiến nghị điều chỉnh các khoản thu liên quan đến đất đai chưa phù hợp; điều chỉnh các chính sách liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án, giảm dần khiếu nại của người dân; xây dựng cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư hạ tầng; rà soát và điều chỉnh các chính sách về xã hội hóa nhằm khuyến khích các nhà đầu tư tham gia đầu tư những công trình y tế, giáo dục, văn hóa; đề xuất chính sách quản lý đất đai phù hợp với mô hình chính quyền đô thị trong tương lai.

- Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện: Cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư; tiến hành ngay công tác lập quy hoạch các công trình ngầm; chọn những nhà đầu tư có năng lực để đầu tư những dự án lớn; công khai các dự án đầu tư trong quá trình giao dự án và triển khai thực hiện dự án; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; nhà nước chủ động nắm giữ nhiều quỹ đất để duy trì mặt bằng giá đất ở mức hợp lý; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao đồng thời nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường.

- Nhóm giải pháp về thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Nghiêm cấm việc san lấp sông, rạch không theo quy hoạch; phát triển nhiều mảng xanh lớn tại những vùng đất thấp và tận dụng tối đa những phần đất trống để tạo mảng xanh cho đô thị; các cơ sở sản xuất phải được bố trí vào các khu, cụm công nghiệp để đảm bảo vệ sinh môi trường; tiếp tục hợp tác với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm áp lực về đất đai cho Thành phố.

- Nhóm giải pháp bảo vệ quỹ đất nông nghiệp: Bảo vệ nghiêm ngặt đối với đất rừng, đất nông nghiệp và đặc biệt là đất trồng lúa theo quy hoạch; tập trung và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ kỹ thuật để chuyển đổi cơ cấu cây trồng có năng suất thấp sang các loại hình có hiệu quả cao hơn; đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi tại các khu vực đất nông nghiệp tập trung.

4. Tổ chức thực hiện

- Sau khi quy hoạch sử dụng đất thành phố được Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp thành phố cho các quận, huyện; chỉ đạo hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các quận, huyện; hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với Hội đồng nhân dân thành phố.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố.

- Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn chỉnh thủ tục trình Chính phủ xét duyệt.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về tổ chức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ (chiều xe đi ra)
thuộc dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1, giai đoạn 2)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3121/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ (chiều xe đi ra) thuộc dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1, giai đoạn 2); Báo cáo thẩm tra số 403 /BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 3121/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ (chiều xe đi ra) thuộc dự án BOT Cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1, giai đoạn 2), cụ thể:

1. Về đối tượng thu phí: Các phương tiện qua cầu Bình Triệu 1 (hướng từ thành phố đi Bình Dương - chiều xe đi ra).

2. Về mức giá thu phí:

Thực hiện theo mức thu phí đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

3. Thời gian bắt đầu tổ chức thu phí qua trạm tại cầu Bình Triệu 1 kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về tiêu chí để chọn tên, đưa vào Quỹ tên đường tại thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Xét Tờ trình số 3285/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về tiêu chí chọn tên, đưa vào Quỹ tên đường tại thành phố Hồ Chí Minh; sau khi xem xét Báo cáo thẩm tra số 409/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với nội dung của Tờ trình số 3285/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về tiêu chí chọn tên, đưa vào Quỹ tên đường tại thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch bổ sung Quỹ tên đường và các công trình công cộng theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng và nội dung các tiêu chí nêu trên. Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ

Chí Minh cần thường xuyên thông tin, tuyên truyền giới thiệu về ý nghĩa lịch sử, giá trị di tích, danh lam, thắng cảnh, công trạng của danh nhân được chọn để đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng để mọi người được biết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ mười
Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI
(Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ mười, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII,

QUYẾT NGHỊ:

I. Hội đồng nhân dân thành phố nhận thấy nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố, ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, những vấn đề bức xúc được cử tri thành phố quan tâm. Không khí chất vấn thẳng thắn, trách nhiệm, đối thoại với tinh thần xây dựng cao.

Nội dung trả lời chất vấn của lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố và các đơn vị ngắn gọn, có trách nhiệm và đi thẳng vào nội dung đại biểu đặt ra, tuy nhiên do thời gian có hạn còn một số vấn đề chưa được trả lời đầy đủ theo yêu cầu của đại biểu. Đề nghị các đơn vị trả lời chất vấn bằng văn bản cho đại biểu và Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố sau kỳ họp.

II. Hội đồng nhân dân thành phố ghi nhận các giải pháp mà Phó Chủ tịch thay

mặt Ủy ban nhân dân thành phố, các Giám đốc Sở và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã cam kết trước Hội đồng nhân dân thành phố qua các nội dung chất vấn và trả lời chất vấn:

1. Quản lý xây dựng, xử lý tình trạng xây dựng không phép và sai phép; công tác tổ chức, phối hợp trong thanh tra xây dựng; tiến độ, chất lượng nhà ở tái định cư và nhà ở xã hội:

Ông Trần Trọng Tuấn Giám đốc Sở Xây dựng và đơn vị tham gia trả lời chất vấn là Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã đưa ra giải pháp cụ thể sau:

- Kiện toàn và nâng cao nghiệp vụ cho lực lượng thanh tra xây dựng trong công tác quản lý xây dựng, xây dựng quy chế phối hợp trong thanh tra xây dựng với các quận, huyện, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng không phép, sai phép nhằm kéo giảm tình trạng này trong 6 tháng cuối năm 2013.

- Sở Xây dựng thành phố tập trung thực hiện các giải pháp của Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án nhà ở tái định cư và nhà ở xã hội, kiểm tra giám sát chặt chẽ trong quá trình xây dựng nhằm đảm bảo chất lượng.

- Phối hợp với ngân hàng để tháo gỡ hàng tồn kho bất động sản trong đó ưu tiên cho các doanh nghiệp xây nhà xã hội; giải quyết những vấn đề vướng mắc cho khách hàng có nhu cầu mua nhà xã hội tiếp cận được vốn vay.

- Khi duyệt cấp phép cho các dự án xây dựng nhà ở, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chú trọng đến quy hoạch đã được xác định, công trình kiến trúc mang tính hiện đại có nhiều mảng xanh và có đặc trưng riêng của thành phố. Các kiến trúc có giá trị được bảo tồn.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xem xét về tình hình thực tế các điểm khai thác cát có phối hợp với các quận, huyện kiểm tra và xử lý nghiêm khi phát hiện vi phạm, khắc phục có hiệu quả tình hình khai thác cát trái phép.

2. Tình hình tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố; chương trình giảm hộ nghèo tăng hộ khá; dự báo nhu cầu nguồn nhân lực đã qua đào tạo và nhu cầu lao động:

Ông Trần Trung Dũng Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận

trách nhiệm về những yếu kém trong công tác quản lý để xảy ra tình hình tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố và trình bày các giải pháp sau:

- Vấn đề quản lý người sau cai hiệu quả chưa cao, để khắc phục Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Tổ cán sự phường, xã phối hợp cùng với các Hội Đoàn tư vấn cho những người sau cai về việc làm, cho vay vốn tự tạo việc làm nhằm giúp người sau cai có cuộc sống ổn định. Tổ cán sự định kỳ hàng tháng gặp gỡ những người sau cai.

- Tổ chức tập huấn cho các quận, huyện thực hiện Pháp lệnh Người có công. Tích cực tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách nhà ở cho người có công.

- Phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố thực hiện chương trình đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho giới nữ.

Tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố diễn biến phức tạp, nhất là tệ nạn mại dâm có chiều hướng gia tăng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp cùng các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường kiểm tra những tuyến đường, tụ điểm, những doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề nhạy cảm; đẩy mạnh công tác tư vấn, đào tạo nghề cho những người hoàn lương; phối hợp với các ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuyên truyền, vận động nhằm kéo giảm tình hình mại dâm trên địa bàn thành phố trong 6 tháng cuối năm 2013.

- Trong công tác đào tạo nghề, tập trung đẩy mạnh việc đổi mới và trang bị các thiết bị dạy nghề cho các trường, trung tâm dạy nghề nhằm đào tạo người lao động có tay nghề vững vàng để khi tốt nghiệp sẽ dễ tìm được việc làm phù hợp. Bên cạnh đó, nâng cấp Trung tâm dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động để đưa ra những thông tin chính xác; từ đó giúp cho các ngành xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực trong tương lai.

3. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Hữu Tín trả lời chất vấn, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trả lời bổ sung

- Về quản lý mặt đường từ nay sẽ giao cho một chủ đầu tư và Sở Giao thông vận tải phối hợp với tất cả cơ quan có liên quan cùng nhau tổ chức thực hiện thi công đồng bộ. Tránh tình trạng mỗi cơ quan tự thi công công trình của đơn vị mình vừa lãng phí vừa làm cho mặt đường xuống cấp. Ủy ban nhân dân thành phố sẽ ứng vốn cho các đơn vị sau đó các đơn vị hoàn trả lại.

- Tiếp tục cải cách mạnh mẽ về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư nhằm tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư.

- Về nhà ở xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố đang thực hiện nhiều giải pháp để hạ giá thành căn hộ giúp người thu nhập thấp có thể thuê, mua; cân nhắc kỹ về quy hoạch, kết cấu hạ tầng, quy chuẩn xây dựng và sự phát triển lâu dài của thành phố, quyền lợi của người tiêu dùng để xem xét việc chuyển đổi các căn hộ thương mại sang nhà ở xã hội.

- Về ô nhiễm sông Đồng Nai được Chính phủ quan tâm thành lập Ủy ban bảo vệ sông Đồng Nai (Ủy ban sông Đồng Nai) do các đồng chí Chủ tịch các Tỉnh, Thành luân phiên làm Chủ tịch, định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình khai thác nguồn lợi cũng như vấn đề ô nhiễm; từ đó đưa ra giải pháp phù hợp.

- Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tập trung xử lý tình hình ô nhiễm dự án bãi rác, cho phép xe vận chuyển rác lưu thông trong giờ cao điểm và cấp kinh phí xây dựng bờ rác kín trong khu dân cư khắc phục tình trạng bờ rác hở gây ô nhiễm.

- Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, doanh nghiệp, ngân hàng, hiệp hội doanh nghiệp, nâng cao vai trò chủ động để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về vốn, thị trường, thủ tục hành chính, chính sách kích cầu; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ; giải quyết giảm dần hàng tồn kho. Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và dịch vụ, cung cấp các thông tin về thị trường để doanh nghiệp chủ động tiếp cận thị trường.

- Các sở, ngành cần phối hợp tốt thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ tại các khu vực tập trung đông người lao động, công nhân, nông dân, sinh viên, đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu với giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, quận, huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, kiểm soát chất lượng hàng hóa, an toàn vệ sinh thực phẩm.

III. Qua nội dung chất vấn và trả lời chất vấn cho thấy:

- Có biểu hiện buông lỏng quản lý Nhà nước ở một số lĩnh vực, quản lý địa bàn không sát ở một số địa phương nên đã để xảy ra một số tiêu cực trong xây dựng (xây dựng không phép, sai phép), tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng (mại dâm, tái nghiện).

- Thiếu đồng bộ trong tổ chức thực hiện, trong phối hợp kiểm tra.

- Xử lý trách nhiệm người đứng đầu chưa nghiêm.

IV. Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp để phát huy kết quả đạt được, tháo gỡ khó khăn, khắc phục các hạn chế, yếu kém nêu trên.

- Chỉ đạo các Sở, ngành, quận, huyện liên quan triển khai có hiệu quả các nội dung đã cam kết, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực xây dựng, hoạt động kinh doanh các ngành nghề nhạy cảm. Phối hợp đồng bộ trong tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả tại kỳ họp cuối năm 2013.

V. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện những giải pháp Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi trình bày tại phiên chất vấn của kỳ họp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013. /.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2013

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI (Từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội Khóa XII về thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo, tờ trình của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; các báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan hữu quan; thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành các báo cáo của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan hữu quan về tình hình kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2013.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung trọng tâm như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố 6 tháng đầu năm 2013:

Tình hình kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm 2013 đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

Tổng sản phẩm nội địa (GDP) 6 tháng đầu năm tăng 7,9% (cùng kỳ tăng 8,1%), tăng 1,6 lần so cả nước (GDP cả nước đạt 4,9%). Trong đó, dịch vụ tăng 9,1%, công nghiệp và xây dựng tăng 6,2%, nông nghiệp tăng 7%. Chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,78% so cuối năm 2012 (cùng kỳ tăng 2,05%). Thu ngân sách đạt 45,51% dự toán.

Nhiều giải pháp được tập trung triển khai hỗ trợ doanh nghiệp về vốn, giải quyết hàng tồn kho, đẩy mạnh xúc tiến thương mại đầu tư, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; tích cực tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.

Quản lý và phát triển đô thị đạt một số kết quả thiết thực: hoàn chỉnh Đồ án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; hoàn thành thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt các đồ án quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các xã (đã quyết định phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới tại 22 xã); quan tâm thực hiện quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân trong khu vực quy hoạch, điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất (K) tính thu tiền sử dụng đất hợp lý khi người dân được chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở; đẩy nhanh rà soát, xử lý dự án chậm triển khai. Nhiều giải pháp được triển khai thực hiện quyết liệt để kéo giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông; giảm ô nhiễm môi trường, giảm ngập nước. Hoạt động khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, y tế... có nhiều tiến bộ.

Công tác tiếp công dân, giải quyết có kết quả đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp lao động tập thể được tăng cường, kịp thời giải quyết các kiến nghị, bức xúc của nhân dân, doanh nghiệp, người lao động.

Các chính sách an sinh xã hội, trợ cấp diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và người thuộc diện bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được tập trung thực hiện; các cuộc vận động tương trợ và tiết kiệm, chia sẻ khó khăn cho công nhân có thu nhập thấp, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và người nghèo được nhân dân đồng thuận cao và tích cực hưởng ứng.

An ninh chính trị được giữ vững ổn định, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng;

Tuy nhiên, kinh tế thành phố tiếp tục gặp nhiều khó khăn: sức mua giảm, hàng hóa tồn kho nhiều, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu hồi phục; tình hình doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể và tình trạng thiếu việc làm, mất việc làm của người lao động tuy có giảm so cùng kỳ nhưng có xu hướng tăng dần từ đầu năm 2013. Tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp. Ô nhiễm môi trường, tình trạng quá tải tại các bệnh viện, cơ sở vật chất phục vụ khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu.

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2013:

Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với những nhiệm vụ và giải pháp đã được Ủy ban nhân dân thành phố trình tại kỳ họp. Trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2013, lưu ý Ủy ban nhân dân thành phố tập trung chỉ đạo, điều hành các nội dung trọng tâm sau:

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm tốc độ tăng trưởng năm 2013 đạt 9,5% trở lên; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 đã được thông qua tại kỳ họp thứ bảy Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các doanh nghiệp nhất là về vốn, lãi suất vay, mở rộng mạng lưới phân phối, tiêu thụ hàng hóa để ổn định, phát triển sản xuất - kinh doanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm, giãn thuế theo Nghị quyết số 02/NQ-CP và các chính sách thuế đã được thể chế hóa, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Tổ chức thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2012 về việc đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 gắn với Chương trình hành động của thành phố về hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, cung cấp thông tin về các thị trường tiềm năng để doanh nghiệp chủ động tiếp cận, mở rộng thị trường.

Tiếp tục mở rộng mạng lưới bán lẻ, nâng cao chất lượng chương trình bình ổn thị trường, gắn với đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường quản lý thị trường, chống hàng gian, hàng giả... Đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, nông dân; tập trung nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí nông thôn mới, phấn đấu cơ bản hoàn thành tiêu chí nông thôn mới thêm ít nhất 6 xã trong năm 2013.

2. Triển khai các biện pháp khai thác, quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước; thu hồi các khoản nợ tạm ứng ngân sách; đẩy nhanh tiến độ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đã được phê duyệt; đồng thời chủ động chọn lựa, bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất ở các huyện, các quận ven, tăng quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý; tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án công ích trọng điểm, cấp bách của quận - huyện và thành phố; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng có hiệu quả.

3. Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, các công trình phòng, chống lụt, bão; ưu tiên các dự án kết cấu hạ tầng giao thông; đẩy mạnh công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng cho các công trình, dự án. Phấn đấu đến cuối năm 2013, hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm, cấp bách, góp phần giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội hướng Đông Bắc - Đông Nam thành phố.

4. Ủy ban nhân dân thành phố chủ động phối hợp các bộ - ngành Trung ương, khẩn trương hoàn chỉnh Đề án thí điểm xây dựng mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và Công văn số 458/UBTVQH13-PL và 459/UBTVQH13-PL ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thí điểm xây dựng chính quyền đô thị, kết hợp Chương trình hành động của Thành phố về cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị.

Tiếp tục rà soát, đẩy nhanh tiến độ xử lý dự án chậm triển khai; phấn đấu đến cuối năm 2013 hoàn thành cơ bản cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

5. Tập trung thực hiện tốt việc chăm lo đời sống cho diện chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng xã hội; tăng cường cho vay vốn, cân đối và sử dụng hợp lý các nguồn vốn từ quỹ hỗ trợ giảm nghèo; tổng kết giai đoạn 3 chương trình giảm hộ nghèo tăng hộ khá; đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực, giải pháp giảm nghèo, tăng hộ khá bền vững giai đoạn 4; phát triển nhà ở xã hội từng bước đáp ứng nhu cầu nhà ở người thu nhập thấp; đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật, hạn chế tình trạng ngừng việc tập thể, đình công trên địa bàn; giám sát, xử lý kịp thời các trường hợp tranh chấp lao động tại các doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả chính

sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; tăng cường quản lý Nhà nước đối với người lao động nước ngoài làm việc tại thành phố.

Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và giám sát giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng cường an toàn vệ sinh thực phẩm; mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch đến các khu lưu trú công nhân và địa bàn nông thôn; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và chữa trị các loại dịch bệnh phát sinh trên địa bàn.

Tổ chức tốt công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2013 - 2014; khẩn trương hoàn thành các dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong năm học mới.

6. Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác kinh tế - văn hóa, tổ chức đón tiếp chu đáo và trọng thị các đoàn khách quốc tế đến Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013 - 2020. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã ký kết. Tăng cường hiệu quả các quan hệ hợp tác đã có và mở rộng hợp tác quốc tế với các địa phương khác trên thế giới.

7. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố; tập trung tấn công, trấn áp, kéo giảm rõ rệt các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; kéo giảm tai nạn giao thông. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy nhất là ở các khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao. Tiếp tục phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

8. Tăng cường tiếp công dân, đối thoại, tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là các nội dung liên quan đến đất đai, các vụ khiếu nại đông người, phức tạp, tồn đọng kéo dài.

III. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai, tập trung chỉ đạo và điều hành các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Giao Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát chặt chẽ, kịp thời đôn đốc việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên

và các cơ quan báo chí thành phố tuyên truyền, phổ biến, động viên các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; phát hiện, phản ánh và kiến nghị kịp thời những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Hội đồng nhân dân thành phố kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, đồng thuận, chia sẻ, chung sức vượt qua khó khăn, thách thức và quyết tâm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm, hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2013

CHỈ THỊ

Về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Đây là văn bản Luật quan trọng thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; tạo hành lang pháp lý cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cả nước.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao kiến thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật cho nhân dân. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ trong tình hình mới, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế, chưa ngang tầm với yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, chưa được tiến hành thường xuyên, rộng khắp, chưa có trọng tâm, trọng điểm; thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, các cấp, các ngành, đặc biệt chưa huy động được sự tham gia của xã hội.

Để triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố

a) Tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các thể chế có liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như: các quy định về chế độ, chính sách cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố; Quy chế Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật thành phố...

b) Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng cơ chế xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ, nguồn nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố; kịp thời có các hình thức khen thưởng để động viên, khuyến khích những cá nhân, tổ chức thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

đ) Phát huy vai trò, trách nhiệm và ưu thế của các cơ quan thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố theo từng lĩnh vực, đảm bảo huy động được các nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Sở Tư pháp

a) Tăng cường vai trò của Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Đẩy mạnh việc rà soát, thẩm định hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hoặc có liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức phổ biến pháp luật cho các đối tượng đặc thù; đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân thành phố; thực hiện các biện pháp đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng.

d) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này; định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị về Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Tăng cường chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về phổ biến, giáo dục pháp luật với nội dung, hình thức sinh động, phong phú và phù hợp với đối tượng tuyên truyền; tăng cường số lượng tin, bài viết về pháp luật của các báo, đài; thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tuân thủ nghiệp vụ báo chí, bảo đảm tuyên truyền đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xây dựng cơ chế xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho việc in ấn tài liệu, hoạt động thông tin truyền thông đối với cá nhân, tổ chức tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo thẩm quyền.

c) Tăng cường công tác quản lý hoạt động xuất bản, in ấn tài liệu, sách báo về pháp luật; kịp thời điều chỉnh những lệch lạc trong thông tin truyền thông về pháp luật; bảo đảm việc phổ biến, giáo dục pháp luật thực hiện đúng quy định, đạt kết quả cao.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trực thuộc đẩy mạnh công tác giảng dạy, phổ biến kiến thức pháp luật trong nhà trường; chú trọng giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên; hình thành thói quen phù hợp với chuẩn mực của đạo đức xã hội, ý thức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tinh thần tự giác, tạo tiền đề hình thành ý thức pháp luật; phát huy vai trò của nhà trường trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Đổi mới, sáng tạo kết hợp chặt chẽ các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường; tăng cường nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật trong các chương trình ngoại khóa và các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh, sinh viên.

c) Rà soát, bổ sung, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy pháp luật cho đội ngũ giáo viên môn pháp luật, môn giáo dục công dân, báo cáo viên và cán bộ phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn hóa đội ngũ này theo quy định của pháp luật.

d) Bổ sung, nâng cao chất lượng Tủ sách pháp luật, Thư viện pháp luật và các phương tiện, thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chỉ đạo xây dựng trang thông tin phổ biến, giáo dục trên website của các cơ sở giáo dục.

đ) Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, các chế độ, chính sách liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc ngành quản lý theo quy định.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật về việc làm, dạy nghề, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, chính sách pháp luật đối với người có công,

bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng, chống mại dâm, ma túy và các nội dung khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Thường xuyên đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cho phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của từng nhóm đối tượng thuộc ngành mình quản lý.

c) Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, các chế độ, chính sách liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc ngành quản lý theo quy định.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị và trong phạm vi công tác quản lý chuyên ngành.

b) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xây dựng cơ chế xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi về cấp phép quảng cáo cho cá nhân, tổ chức tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định.

7. Sở Tài chính

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định về sử dụng kinh phí, mức hỗ trợ từ ngân sách để đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế tài chính về xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

8. Các sở, ban, ngành khác

a) Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật do ngành mình quản lý phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Đẩy mạnh việc triển khai các biện pháp đổi mới, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; phổ biến sâu rộng các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các lĩnh vực có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị mình.

c) Thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực, có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

9. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể ở địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Luật Phổ biến giáo dục pháp luật; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; đẩy mạnh việc củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận, huyện; rà soát, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Kịp thời khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực, có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương.

10. Hiệu lực của Chỉ thị

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4036/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến
khách ngang sông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ ban hành và điều chỉnh bổ sung về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Công văn số 660/BTC-CST ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính về phí qua đò;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố cho phép chấm dứt việc thực hiện Nghị quyết số 55/2006/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố

khóa VII về điều chỉnh mức thu phí qua đò tại bến khách ngang sông An Phú Đông, quận 12;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII tại kỳ họp thứ mười (từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 7 năm 2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo cự ly tuyến của bến như sau:

1. Đối với các bến có cự ly tuyến từ 1.000 mét trở xuống:

- Đối với hành khách, tối đa không quá 5.000 đồng/người/lượt.
- Đối với hành khách có đem theo xe đạp, xe máy thì có thể thu thêm nhưng không quá 5.000 đồng/xe/lượt.
- Đối với hàng hóa qua đò, chỉ thu đối với hàng hóa có khối lượng từ 50kg trở lên (hàng hóa dưới 50kg được tính như đối với xe đạp, xe máy đi kèm theo hành khách) và mức thu tùy thuộc vào trọng lượng của hàng hóa qua đò nhưng tối đa không quá 5.000 đồng/50kg/lượt; trường hợp là hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.

2. Đối với các bến có cự ly tuyến trên 1.000 mét:

- Đối với hành khách, tối đa không quá 5.000 đồng/km/lượt.
- Đối với hành khách có đem theo xe đạp, xe máy thì có thể thu thêm nhưng không quá 5.000 đồng/xe/lượt.
- Đối với hàng hóa qua đò, chỉ thu đối với hàng hoá có khối lượng từ 50kg trở lên (hàng hóa dưới 50kg được tính như đối với xe đạp, xe máy đi kèm theo hành khách) và mức thu tùy thuộc vào trọng lượng của hàng hóa qua đò nhưng tối đa không quá 5.000 đồng/50kg/km/lượt; trường hợp là hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nói trên đối với học sinh, sinh viên đi học. Đối với những bến đò có điều kiện, giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện địa bàn có bến đò vận động chủ đò miễn thu phí qua đò cho học sinh, sinh viên đi học.

Điều 2. Khung mức thu phí nói trên được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính, căn cứ khung mức thu phí được duyệt để nghiên cứu đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức thu phí cụ thể tại từng bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố cho phù hợp với tình hình, đặc điểm thực tế ở từng nơi trước ngày 10 tháng 8 năm 2013.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành của thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4174/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh
cải cách chế độ công vụ, công chức Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”;

Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 586/TTr-SNV ngày 26 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tại Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chức năng, nhiệm vụ, hoạt động, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của các thành viên của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

2. Quy chế này áp dụng đối với thành viên Ban Chỉ đạo và Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc, chế độ, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo

1. Ban chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể bàn và quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của tập thể Ban Chỉ đạo khác với ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì Ban Chỉ đạo báo cáo lại Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Ban Chỉ đạo họp 6 tháng một lần để kiểm điểm, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo kết luận của kỳ họp trước và giải quyết các vấn đề mới trong kỳ tiếp theo; căn cứ tình hình thực tiễn và yêu cầu công việc, Trưởng ban chỉ đạo tổ chức các cuộc họp đột xuất.

4. Các thành viên Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm có trách nhiệm

thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả nội dung công tác được phân công theo quy định tại Quy chế này.

5. Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban thường trực Ban chỉ đạo sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân thành phố. Phó Trưởng Ban chỉ đạo sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị mình theo nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện đầy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch đầy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2015 (gọi tắt là Kế hoạch).

2. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các Sở - ban - ngành, quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch và các kết luận định kỳ của Ban Chỉ đạo; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh chỉ tiêu, kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị nội dung, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố.

Điều 4. Quyền hạn

1. Quyết định thành lập Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo.

2. Phân công trách nhiệm từng thành viên Ban Chỉ đạo và thành viên tổ giúp việc để điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Được mời lãnh đạo các Sở - ban - ngành, quận - huyện, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và lãnh đạo cơ quan, tổ chức liên quan tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo và các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo khi có các nội dung liên quan.

4. Tổ chức các đoàn kiểm tra các Sở - ban - ngành, quận - huyện và cơ quan,

đơn vị có liên quan trong việc triển khai, thực hiện Kế hoạch tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

5. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê bình, xử lý đối với cá nhân, tổ chức chậm trễ, thiếu trách nhiệm hoặc có hành vi cản trở tiến trình triển khai Kế hoạch trên địa bàn thành phố.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

Điều 5. Trưởng ban Ban Chỉ đạo

1. Lãnh đạo, điều hành chung các hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo.

2. Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

3. Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo

1. Giúp Trưởng Ban trực tiếp chỉ đạo, điều phối các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo.

2. Triệu tập các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ đạo, thay mặt Trưởng Ban xử lý công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo, chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban giao.

Điều 7. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo - Phó Trưởng Ban thường trực Ban Tổ chức Thành ủy

Giúp Ban Chỉ đạo triển khai Kế hoạch, kết luận của Ban Chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch đối với các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn thành phố.

Điều 8. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo - Giám đốc Sở Nội vụ

1. Giúp Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, điều phối các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Làm đầu mối trong việc phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các mục tiêu của Kế hoạch đến năm 2015.

3. Theo dõi, chỉ đạo việc tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố.

Điều 9. Các thành viên Ban Chỉ đạo

1. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.
2. Cùng tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quán triệt, tổ chức thực hiện Kế hoạch, các kết luận của Ban Chỉ đạo trong nội bộ ngành, cơ quan, đơn vị mình.
3. Kịp thời đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.
4. Định kỳ (hoặc đột xuất theo yêu cầu) báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện kế hoạch của ngành, cơ quan, đơn vị phụ trách.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo phân công.

Chương IV TỔ CHUYÊN VIÊN GIÚP VIỆC

Điều 10. Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo gồm các thành viên: đại diện Sở Nội vụ và các Sở - ban - ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 11. Trách nhiệm Tổ Chuyên viên giúp việc

1. Dự thảo chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo và các văn bản chỉ đạo dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo, Tổ Chuyên viên giúp việc báo cáo cấp có thẩm quyền.
2. Giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố.
3. Chuẩn bị nội dung các phiên họp, hội nghị, các hoạt động khác của Ban Chỉ đạo; theo dõi việc tổ chức thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo và báo cáo định kỳ theo quy định.
4. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất do Ban Chỉ đạo giao.

Chương V BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Chế độ họp

Ban chỉ đạo định kỳ tổ chức họp 02 lần trong năm (tháng 6 và tháng 12) để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đề ra và phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng và năm sau, hoặc họp đột xuất để giải quyết công việc cụ thể khi cần thiết.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, quận - huyện và các đơn vị có liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo thông qua Sở Nội vụ theo định kỳ quý, 6 tháng, 1 năm và báo cáo đột xuất về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo là Thủ trưởng các Sở và cơ quan tương đương được sử dụng bộ máy của cơ quan mình để thực hiện các nhiệm vụ được phân công và báo cáo kết quả hoạt động định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Điều 14. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Sở Nội vụ.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Triển khai thực hiện Quy chế

Trưởng Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy chế tại đơn vị.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Nội vụ - Thường trực Ban chỉ đạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của thành phố./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng